Mẫu 40

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126/2018/QĐST-HNGĐ	Kiên Lương, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết H– sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 07, ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Lý Hoàng D – sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Lý Hoàng D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: có 01 người con chung Lý Thị Kim T– sinh năm 20/10/2014. Chị H, anh D thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao con tên Lý Thị Kim T cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc chị H, anh D thỏa thuận tiền cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Anh D cấp dưỡng theo quy định pháp luật là

½ lương cơ bản 650.000đ/tháng. Thời gian thực hiện sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

Về tài sản và công nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Án phí HNGĐ-ST là 150.000đ. Mỗi người phải nộp ½. Chị H phải nộp 75.000đ, anh D phải nộp 75.000đ.

Chị H tự nguyện nộp hết tạm ứng án phí và được khấu trừ vào án phí tạm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001912 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Theo đó, chị Nguyễn Thị Tuyết H được nhận lại số tiền 150.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃKÝ)

Cao Thị Mai